

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 03/4/2025

V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Hiếu

2. Ông Lê Công Quyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Vạn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2024/TLST– DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (gọi tắt S2); Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số B Đường C, khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S, chức vụ: Giám đốc chi nhánh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Đỗ Thị Thanh H; Địa chỉ: số B Đường C, khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm: 1995; căn cước công dân số 072095004065; Địa chỉ: Số A, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn S2 trình bày:

Ngày 31/8/2020, bà Nguyễn Quốc H1 đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng với S2, chi cụ thể như sau:

- Loại thẻ: Thẻ tín dụng địa.
- Số tài khoản thẻ: 1964449
- Hạn mức sử dụng: 15.000.000 đồng.
- Ngày đến hạn thanh toán: ngày 15 hàng tháng.
- Lãi suất phát hành thẻ 31,20%/năm (2,77%/tháng). Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và được S2 niêm yết tại www.S2.com.vn.
- Điều kiện sử dụng thẻ: số tiền trong hạn mức của thẻ được sử dụng cho mục đích mua sắm hoặc rút tiền mặt. Trường hợp rút tiền mặt thì lãi suất được tính từ ngày rút tiền, nếu thanh toán cho mua sắm thì trong thời hạn 45 ngày phải trả lại, quá thời hạn sẽ tính lãi kể từ ngày sử dụng.

Ngày 03/9/2020, S2 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông H1 và ngày 09/9/2020, phát hành thẻ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến tháng 22/3/2024 thì ông H1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dẫn đến nợ quá hạn. S2 đã cho ông H1 thời gian để hợp tác xử lý nhưng ông H1 không có phương án trả tiền nợ. Do ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ nên ngày 22/6/2024, S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang quá hạn.

Tính đến ngày 13/8/2024 ông H1 còn nợ S2 các khoản: dư nợ quá hạn là 16.262.021 đồng, lãi quá hạn 1.169.480 đồng, tổng cộng là 17.431.501 đồng. S2 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 phải trả cho S2 tổng số tiền nợ tính tới ngày 02/4/2025 là 22.649.181 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 16.262.021 đồng, lãi quá hạn là 6.387.160 đồng. Đồng thời ông H1 phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/9/2020.

*Bị đơn **ông Nguyễn Quốc H1** không nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của S2, buộc **ông H1** phải trả cho S3 số tiền nợ tính đến ngày

02/4/2025 là 22.649.181đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 16.262.021 đồng, lãi quá hạn 6.387.160 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả xong hết các khoản tiền nợ theo mức hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Về án phí: Buộc **ông H1** phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: S2 khởi kiện **ông Nguyễn Quốc H1** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. **Ông Nguyễn Quốc H1** cư trú tại thị xã H nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện của S2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt S2. Bị đơn **ông Nguyễn Quốc H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt **ông Nguyễn Quốc H1**.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của S2:

[2.1] Về dư nợ gốc: Căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” số 1564449 ngày 31/8/2020 giữa **ông Nguyễn Quốc H1** và S2 thì **ông H1** mong muốn được cấp tín dụng hạn mức là 15.000.000 đồng và S2 đã chấp nhận cấp tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng cho **ông H1** vào ngày 03/9/2020, phát hành thẻ cho **ông H1** ngày 09/9/2020.

Theo thỏa thuận giữa S2 và **ông H1** thì **ông H1** được sử dụng số tiền hạn mức tối đa là 15.000.000 đồng. Theo điều khoản sử dụng thẻ thì nếu ông H1 sử dụng tiền vào mục đích thanh toán chi phí mua sắm, tiêu dùng, dịch vụ sẽ không phải chịu tiền lãi trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày sử dụng, quá 45 ngày không trả tiền thì số tiền đã sử dụng sẽ được tính lãi từ ngày sử dụng, nếu ông H1 rút tiền mặt thì lãi được tính từ ngày rút tiền.

Theo sao kê chi tiết đến ngày 22/3/2024, bà ông H1 rút tiền mặt và không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, tới ngày 02/4/2024 dư nợ quá hạn là 16.262.021 đồng. Do **ông H1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không cung cấp chứng cứ gì chứng minh hay có ý kiến phản đối là đã trả số tiền này nên có căn cứ xác định **ông H1** còn nợ S2 số tiền nợ quá hạn là 16.262.021đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của S2 về số tiền lãi quá hạn thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”. Theo hợp đồng giữa S2 với **ông H1** thì hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 31,20%/năm lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, được S2 niêm yết, lãi suất quá

hạn bằng lãi suất trong hạn x 150%. Việc hai bên thoả thuận mức lãi suất không vi phạm quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

S2 yêu cầu **ông H1** phải trả lãi tính đến ngày 02/4/2025 với số tiền là 6.387.160 đồng và phải chịu lãi suất kể từ ngày tiếp theo là ngày 03/4/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho S2 theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp thoả thuận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của S2, buộc **ông H1** phải trả cho S2 số tiền dư nợ quá hạn và lãi tính đến ngày 02/4/2025 là 22.649.181 đồng và tiếp tục tính lãi theo mức hai bên thoả thuận từ ngày 03/4/2025 cho đến khi trả xong tiền nợ.

[3] Án phí: Do yêu cầu của S2 được chấp nhận nên S2 không phải chịu án phí. **Ông H1** phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tại phiên tòa có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đối với **ông Nguyễn Quốc H1** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc **ông Nguyễn Quốc H1** phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền dư nợ quá hạn là 16.262.021 đồng (mười sáu triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi một đồng); tiền lãi quá hạn là 6.387.160 đồng (sáu triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng); tổng cộng là 22.649.181 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày 03/4/2025, khách hàng vay (hoặc bên phải thi hành) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần S1 thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S1.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông Nguyễn Quốc H1 phải chịu 1.132.500 đồng (một triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S1 không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần S1 đã nộp tạm ứng là 794.000 đồng (bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011600 ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành được hoàn lại.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS thị xã. Hòa Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa